

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

SỰ TIẾP THU HÀNH ĐỘNG HƯỚNG Ở KẾT CẤU VẬN ĐỘNG CHỨA ĐỘNG TỪ ĐI TRONG TIẾNG VIỆT CỦA SINH VIÊN HÀN QUỐC

CHU PHONG LAN* - PHAN TRANG**

TÓM TẮT: Xét trong phạm vi kết cấu vận động có *hướng* thì tiếng Việt thuộc ngôn ngữ định khung phụ từ, còn tiếng Hàn (tiếng Hàn Quốc) thuộc ngôn ngữ định khung động từ. Bài viết phân tích các kết quả thu được sau khi tiến hành khảo sát sự tiếp thu thành tố *hướng* ở kết cấu vận động chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của 59 sinh viên Hàn Quốc. Từ đó, chúng tôi nhận thấy: (i) Thành tố *hướng* đã tạo ra những thử thách nhất định cho người học, việc tiếp thu kết cấu vận động vô *hướng* ít lỗi sai hơn kết cấu vận động có *hướng*; (ii) Trong nội bộ kết cấu vận động có *hướng*, không phải loại *hướng* nào cũng dễ tiếp thu như nhau (xét theo mức độ từ khó đến dễ, thì trật tự từ khó đến dễ là: *hướng nguồn* > *hướng tuyến* > *hướng đích*); (iii) Sự khác biệt về loại hình học ngữ pháp giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích là một nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đến sự tiếp thu kết cấu vận động có *hướng* trong tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc.

TỪ KHÓA: thành tố *hướng*; kết cấu vận động; *đi*; tiếng Việt cho người Hàn Quốc; nghiên cứu.

NHẬN BÀI: 20/04/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 05/06/2023

1. Mở đầu

Những nghiên cứu về kết cấu vận động có *hướng* không phải là một đề tài mới mẻ trong và ngoài nước. Trên thế giới, dựa vào cách phân chia loại hình học của Talmy (1985, 2000), Slobin (1996, 2004, 2006), đã có rất nhiều nghiên cứu xem một ngôn ngữ cụ thể là ngôn ngữ đánh dấu thành tố *hướng* trong động từ chính hay trong phụ ngữ của động từ. Về vị trí của tiếng Hàn có thể kể đến các nghiên cứu của Choi & Bowerman (1991), Choi (2006, 2009). Về tiếng Việt, có thể kể đến công trình về nhóm từ chỉ *hướng* vận động của Nguyễn Lai (2001), Lý Ngọc Toàn (2020, 2022), luận án tiến sĩ của Brown (1999) và Nguyễn Phương Hoàng (2019).

Tuy nhiên, một nghiên cứu đặt tiếng Việt ở thể đối sánh với tiếng Hàn nhất là trong địa hạt ứng dụng vào việc giảng dạy kết cấu vận động có *hướng* của tiếng Việt cho sinh viên Hàn Quốc là một đề tài hầu như còn bỏ ngỏ. Bài viết có mục đích đưa ra những kết quả ban đầu về quá trình tiếp thu kết cấu vận động chứa từ *đi* của sinh viên người Hàn, đồng thời chỉ ra quá trình đó chịu sự chi phối như thế nào của các yếu tố về loại hình học, kết cấu cú pháp.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý thuyết liên quan

Kể từ công trình của Talmy (1985, 2000), cách biểu đạt sự tình vận động có *hướng* thường được coi là một tiêu chí để phân chia các ngôn ngữ trên thế giới trong thể đối lập loại hình học giữa những ngôn ngữ *định khung động từ* (verb-framed) và ngôn ngữ *định khung phụ từ* (satellite-framed). Theo Talmy, một sự tình vận động có *hướng* thường bao gồm bốn thành tố chính: hình (figure), nền (ground), cách thức (manner) và hướng (path). Ở các ngôn ngữ định khung động từ như tiếng Nhật, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ thì thành tố Hướng được đánh dấu ngay trong động từ chính, như ví dụ (1a). Còn các ngôn ngữ định khung phụ từ như tiếng Anh, tiếng Finno-Ugric thì thành tố Hướng được đánh dấu trong phụ ngữ của động từ, như ví dụ (1b).

(1) a. Tiếng Tây Ban Nha:

[La bottle]_{hình} [entró]_{hướng} [a la cueva]_{nền} [flotando]_{cách thức}

b. Tiếng Anh:

[The bottle]_{hình} [floated]_{cách thức} [into]_{hướng} [the cave]_{nền}

Tiếng Hàn thường được xếp vào ngôn ngữ định khung động từ (Choi & Bowerman 1991, Choi

* TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: chuphonglan83@gmail.com

** TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: trangphan@vnu.edu.vn.

2006, 2009), còn tiếng Việt, theo hai công trình của Beecher (2004) và Pace (2009) thì vừa có thể được xếp vào ngôn ngữ định khung phụ từ, vừa có thể được xếp vào một loại hình thứ ba: ngôn ngữ *định khung thành phần tương đương* (equipollently-framed) theo sự bổ sung của Slobin (1996, 2004, 2006).

(2) a. Tiếng Hàn:

[byeong-i]_{hình} [dong-gul-lo]_{nền} [tteoollasda]_{cách thức.hướng}

b. Tiếng Việt:

[Cái chai]_{hình} [trôi]_{cách thức} [vào]_{hướng} [trong hang]_{nền}

Sự nhập nhằng trong việc xác định tiếng Việt thuộc loại hình nào là do *vào* trong (2b) vừa có thể được coi là phụ từ, bổ nghĩa cho động từ chính *trôi*, vừa có thể được coi là một *thành phần tương đương* với động từ *trôi* trong kết cấu vị từ chuỗi (serial verb construction). Nếu coi *vào* là phụ từ trong kết cấu trên thì tiếng Việt được xếp vào ngôn ngữ *định khung phụ từ*. Còn nếu coi *vào* là thành phần tương đương với động từ *trôi* thì tiếng Việt được xếp vào ngôn ngữ *định khung thành phần tương đương*. Những vấn đề này đã được đề cập đến trong luận án tiến sĩ của Linh-Chan Brown (1999) về quá trình ngữ pháp hoá của động từ chuyển động trong tiếng Việt được bảo vệ ở University of Colorado (Mỹ), và gần đây là luận án tiến sĩ của Nguyen Phuong Hoang (2019) về tư cách giới từ của thành tố chỉ Hướng vận động trong tiếng Việt được bảo vệ ở University of Queensland (Úc).

Tiếng Việt không phải là ngôn ngữ duy nhất trên thế giới có sự nhập nhằng này. Trong tiếng Hán cũng có cuộc tranh luận là liệu nên xếp tiếng Hán vào ngôn ngữ *định khung phụ từ* hay ngôn ngữ *định khung thành phần tương đương* (xin xem Yang, 2014).

Ở đây, chúng tôi chọn theo giải pháp đã được một số nhà ngôn ngữ học như Croft và đồng tác giả (2010), Lewandowski & Mateu (2020) áp dụng, đó là khi xếp một ngôn ngữ cụ thể vào thể phân loại loại hình học của Talmy (1985) và Slobin (2004) thì không xét theo tổng thể cái ngôn ngữ đó như cách làm thông dụng từ trước đến nay, mà phải xem xét theo từng kết cấu cụ thể. Thêm vào đó, chúng tôi cũng áp dụng khái niệm phụ từ “satellite” được hiểu theo nghĩa rộng của Croft và đồng tác giả (2010): phụ từ bao gồm tất cả những yếu tố không phải động từ chính trong kết cấu vận động có *hướng*. Theo đó, nếu chỉ xét trong kết cấu vận động có *hướng* chứa động từ *đi* và nếu xếp tất cả các từ còn lại xoay quanh động từ *đi* là phụ từ hiểu theo nghĩa rộng thì tiếng Việt được xếp vào các ngôn ngữ *định khung phụ từ*.

Như vậy, có thể nói, tiếng Việt và tiếng Hàn thuộc hai loại hình ngôn ngữ khác nhau nếu xét trong phạm vi kết cấu vận động có *hướng*: tiếng Việt thuộc ngôn ngữ định khung phụ từ, còn tiếng Hàn thuộc ngôn ngữ định khung động từ. Ngoài ra, tiếng Việt là ngôn ngữ có trật tự *chủ - động - tân*, chính trước phụ sau. Còn tiếng Hàn là ngôn ngữ có trật tự *chủ - tân - động*, phụ trước chính sau. Những sự khác biệt về loại hình và kết cấu cú pháp ảnh hưởng như thế nào đến quá trình thụ đắc tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc, từ trước đến nay, theo hiểu biết của chúng tôi, vẫn còn là một câu hỏi chưa được đặt ra một cách thoả đáng.

Trong nước, công trình của Nguyễn Lai (2001) đã xem xét *hướng* vận động trong ba chiều: không gian, thời gian và tâm lí. Kết cấu vị từ chuỗi cũng được Lâm Quang Đông (2013) nghiên cứu ở cả ba bình diện ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng. Thêm vào đó, vị trí của tiếng Việt trong thể phân chia loại hình học dựa trên cách biểu đạt sự tình vận động có *hướng* của Talmy (1985, 2000) và Slobin (1996, 2004, 2006) cũng đã được đề cập đến trong một số công trình, nổi bật là chuỗi bài của Lý Ngọc Toàn (2020, 2022) đăng trên Tạp chí *Journal of Southeast Asian Linguistics Society*. Nhìn chung, các tác giả đều thống nhất một điểm là vị trí của tiếng Việt tương đối linh hoạt trong xếp loại loại hình học của Talmy (1985) và Slobin (2004). Tuy theo kết cấu cụ thể mà có thể xếp tiếng Việt vào nhóm ngôn ngữ này. Trong bài viết này, dựa vào kết cấu vận động có *hướng* chứa từ *đi*, chúng tôi xếp tiếng Việt vào nhóm ngôn ngữ *định khung phụ từ*.

2.2. Ngữ liệu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này thực hiện trên 59 học viên người Hàn Quốc thuộc các trình độ từ sơ cấp đến cao cấp. Thời lượng học tiếng Việt từ 6 tháng cho đến trên 2 năm.

Về ngữ liệu, chúng tôi tiến hành khảo sát với 33 câu hỏi về kết cấu vận động chứa động từ *đi*. Trong kết cấu vận động chứa động từ *đi*, chúng tôi chia ra làm hai loại lớn là kết cấu vận động có *hướng* và kết cấu vận động vô *hướng*. Ví dụ:

* Kết cấu vận động có *hướng*:

(3) [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [vào]đích [chợ]địa điểm/nền. (Hướng đích)

(4) [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [từ]nguồn [chợ]địa điểm/nền. (Hướng nguồn)

(5) [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [qua]tuyến [chợ]địa điểm/nền. (Hướng tuyến)

* Kết cấu vận động vô *hướng*:

(6) [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [mua táo]mục đích [ở chợ]địa điểm/nền. (vô Hướng)

Trong hai loại kết cấu vận động này, thành tố cơ bản gồm động từ *đi* và địa điểm. Tuy nhiên, trong nội bộ thành tố *hướng* có thể phân loại thành như: *hướng nguồn*, *hướng đích*, *hướng tuyến*. Trong nội bộ kết cấu vận động vô *hướng* thì có thể kể đến các thành tố như: nội dung, mục đích, lí do, phương tiện.

Với mỗi một câu sẽ có 3 lựa chọn trong đó người tham gia sẽ chọn 1 lựa chọn theo họ là đúng khi thiết lập kết cấu vận động chứa động từ *đi*. Ví dụ:

(7) Hãy lựa chọn 1 câu có trật tự từ đúng nhất:

3a. *Đi vào Peter chợ.*

3b. *Peter đi vào chợ.*

3c. *Peter chợ đi vào.*

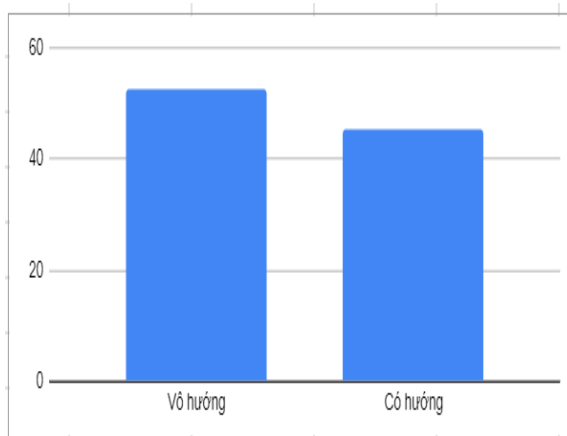
Khi thu thập dữ liệu, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra xã hội học thông qua bảng khảo sát trên google form.

Bài viết này nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu chính là: Sự khác nhau về loại hình cú pháp có ảnh hưởng đến sự tiếp thu kết cấu vận động có Hướng chứa động từ *đi* của sinh viên Hàn Quốc không?

2.3. Kết quả khảo sát

2.3.1. Về kết cấu vận động chứa động từ *đi*

Khi tiến hành khảo sát, nghiên cứu thu được kết quả về việc tiếp thu hai kiểu kết cấu vận động chứa từ *đi* như sau:



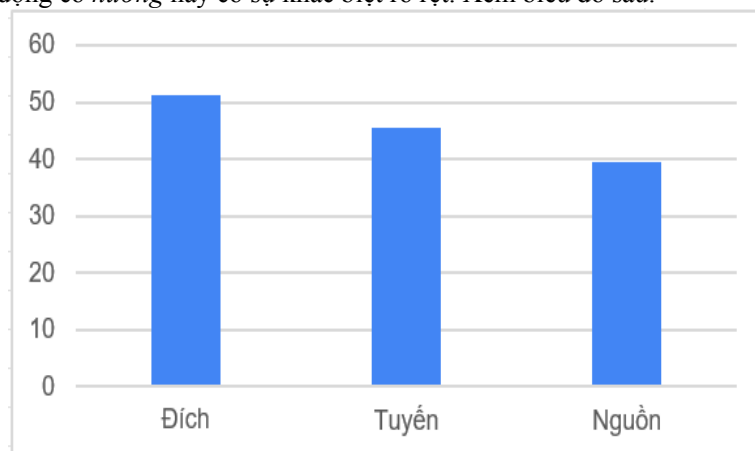
Biểu đồ 1. Sự tiếp thu kết cấu vận động có hướng và vô hướng chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc

Mức điểm trung bình của học viên Hàn Quốc khi tiếp nhận kết cấu vận động có *hướng* chỉ đạt 45.4, trong khi vận động vô *hướng* là 52.8. Như vậy, mức chênh lệch giữa hai kiểu kết cấu là 7.4 điểm. Điểm gây khó khăn cho người học khi tri nhận kết cấu vận động có *hướng* có thể đến từ các yếu tố *nguồn*, *đích* và *tuyến*. Nếu như trong vận động vô *hướng* các yếu tố có ý nghĩa nội dung, mục đích, lí do, phương tiện mang tính cụ thể (sự vật, đối tượng, thuộc tính) thì thành tố *nguồn*, *đích* và *tuyến* lại cần phải tri nhận theo chiều không gian, các trục và phương địa lí. Việc tri nhận này có sự

khác biệt ở mỗi quốc gia. Hơn nữa, trong tiếng Việt, cách thể hiện *nguồn*, *đích* và *tuyến* được biểu hiện bằng các phụ từ được sắp xếp theo một trật tự nhất định, chứ không phải là những biến đổi trên thân động từ như trong tiếng Hàn. Đa phần sinh viên sai vì không nhận diện được trật tự của các thành tố trong kết cấu vận động có *hướng*. Nếu chỉ với mô hình “đi + địa điểm” thì đơn giản nhưng khi thêm các thành tố chỉ *nguồn*, *đích* hay *tuyến* hoặc các yếu tố phụ nữa thì việc tiếp thu gặp nhiều khó khăn. Điểm này là minh chứng cho thấy người đến từ ngôn ngữ được xếp vào hình thái định khung động từ (như tiếng Hàn) sẽ gặp trở ngại nhất định khi học ngôn ngữ thuộc dạng định khung phụ từ (như tiếng Việt).

2.3.2. Về kết cấu vận động có *Hướng* chứa động từ *đi*

Trong phần nghiên cứu, chúng tôi chia kết cấu vận động có *hướng* chứa động từ *đi* trong tiếng Việt thành ba dạng là kết cấu vận động *hướng đích*, *hướng nguồn* và *hướng tuyến*. Việc tiếp thu mỗi kiểu kết cấu vận động có *hướng* này có sự khác biệt rõ rệt. Xem biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Sự tiếp thu các kết cấu vận động có *hướng* chứa động từ *đi* trong tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc

Kết quả cho thấy, kết cấu vận động chứa từ “*đi*” *hướng đích* có điểm trung bình đúng cao nhất 51.3 trong khi *hướng tuyến* là 45.4 và điểm trung bình của *hướng nguồn* thấp nhất 39.4. Mức điểm chênh lệch giữa *hướng đích* và *hướng nguồn* lên tới 11.9. Vậy, điều gì làm cho việc tiếp thu kết cấu vận động chứa động từ “*đi*” *hướng đích* lại dễ dàng hơn so với *hướng nguồn*? Để tìm hiểu rõ ràng hơn, hãy xem cụ thể các kiểu kết cấu vận động có *hướng* chứa động từ *đi* trong các phân tích sau.

2.3.3. Kết cấu vận động chứa động từ “*đi*” *hướng đích*

Kết cấu vận động chứa động từ “*đi*” *hướng đích* ở dạng tối giản gồm động từ *đi* và địa điểm, còn ở dạng đầy đủ thì gồm cả các thành tố *hướng đích*, *vị trí*, *địa điểm*, như sau:

- (9) a. *Đi* + Địa điểm.
 b. *Đi* + Hướng Đích_(vào/dến) + Địa điểm.
 c. *Đi* + Hướng Đích_(vào/dến) + Vị trí_(trong/trên...) + Địa điểm.

Kết cấu ở dạng rút gọn tối đa (9a) chỉ bao gồm [*đi* + địa điểm] và dạng (9b) [*đi* + đích + địa điểm] là ít gặp lỗi nhất.

Ví dụ:

- (10) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [chợ]_{địa điểm}.
 b. [Peter]_{hình} [sijang - e]_{địa điểm} [gayo]_{cách thức}

- (11) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [vào]_{đích} [chợ]_{địa điểm}.
 b. [Peter]_{hình} [sijang-e]_{địa điểm} [deurogayo]_{cách thức.đích}

Tỉ lệ học viên Hàn Quốc chọn đúng luôn đạt 98% đến tuyệt đối 100% đối với dạng tối giản (10a). Ở đây không xuất hiện từ có ý nghĩa môi giới chỉ *hướng vận động*, “đi” có mối quan hệ trực tiếp với đích không gian. Trong tiếng Hàn (10b) cũng nhiều nét tương đồng với (10a) nên người học ít có sự nhầm lẫn. Tuy nhiên, nếu cũng là đích không gian nhưng có từ chỉ *hướng đích* như vào trong (11a) thì sinh viên người Hàn xuất hiện lỗi đảo vị trí theo kiểu “vào đi chợ” (thay vì “đi vào chợ”). Điều này xuất phát do trong tiếng Việt, *đích* thể hiện bằng phụ từ độc lập với động từ *đi*, còn trong tiếng Hàn, *đích* được đánh dấu trong nội bộ thân động từ. Vì thế, so với (10a) thì (11a) dễ bị tri nhận sai nhiều hơn. Song, nhìn chung, dạng này vẫn là kiểu người học ít mắc lỗi sai nhất khi tri nhận kết cấu vận động có *hướng* chứa động từ “đi” vì về cơ bản kết cấu dạng này trong tiếng Hàn và tiếng Việt có nhiều điểm tương đồng, trừ việc sắp xếp trật tự động từ *đi* và địa điểm là khác nhau.

Ngược lại, kết cấu *hướng đích* dạng đầy đủ (9c) [đi + đích + vị trí + địa điểm] thường bị sai nhiều.

- (12) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [vào]_{đích} [trong]_{từ vị trí} [chợ]_{địa điểm}.
b. [Peter]_{hình} [sijang-e]_{địa điểm} [deurogayo]_{cách thức.đích.vị trí}.

Ở (12a) trong tiếng Việt chia tách “vào trong” thành hai yếu tố rõ ràng là *hướng đích* (“vào”) và *vị trí* (“trong”). Tuy nhiên, trong tiếng Hàn như ví dụ (12b), thì hai yếu tố này thể hiện trong sự thay đổi của động từ từ *gayo* thành *deurogayo*. Vì thế, học viên người Hàn khi tiếp thu dạng này thường mắc lỗi đảo thành tổ *vị trí* lên trước *đích* “đi trong vào chợ” (thay vì “đi vào trong chợ”).

2.3.4. Kết cấu vận động chứa động từ “đi” hướng tuyến

Kết cấu này có các kiểu sau:

- (13) a. Đi + Hướng Tuyến_(qua) + Địa điểm
b. Đi + Phương_(ngang) + Hướng Tuyến_(qua) + Địa điểm

Trong đó, kiểu (13a) ít mắc lỗi sai hơn so với kiểu (13b).

Xét ví dụ sau:

- (14) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [qua]_{tuyến} [chợ]_{địa điểm}.
b. [Peter]_{hình} [sijang-e]_{địa điểm} [jinagayo]_{cách thức.tuyến}

Tương tự như *hướng đích*, trong (14a), học viên xác định trật tự đi > địa điểm nên việc thêm *hướng tuyến* vào giữa sẽ dễ hơn kiểu còn lại. Tuy nhiên, ở đây, học viên mắc lỗi sai nhiều hơn *hướng đích* vì trong tiếng Hàn, *hướng tuyến* được tích hợp ngay trên động từ thể hiện sự thay đổi từ *gayo* thành *jinagayo*. Ở dạng đầy đủ hơn, ta xét ví dụ sau:

- (15) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [ngang]_{phương} [qua]_{tuyến} [chợ]_{địa điểm}.
b. [Peter]_{hình} [sijang-eul]_{địa điểm} [galojil-lo]_{phương.tuyến} [gayo]_{cách thức}

Dạng này sai nhiều hơn so với (14a) do có thêm yếu tố *phương*. Hơn nữa, trong tiếng Việt *phương* và *hướng (tuyến)* tách rời nhau thì trong tiếng Hàn lại đi cùng với nhau. Đây chính là rào cản làm cho người học khó tiếp nhận nhất là ở trình độ sơ cấp. Họ dễ bị lúng túng để tiến hành sắp xếp đúng trật tự của các thành tố do vẫn có những ảnh hưởng từ tiếng mẹ đẻ.

2.3.4. Kết cấu vận động chứa động từ “đi” hướng nguồn

Kết cấu vận động chứa động từ “đi” *hướng nguồn* có những kiểu như sau:

- (16) a. Đi + Hướng Nguồn_(từ) + Địa điểm
b. Đi + Hướng Nguồn_(từ) + Vị trí_(dưới/trong) + Địa điểm.

Trong hai kiểu trên thì kiểu (16a) ít gặp lỗi sai (24%) còn kiểu (16b), tỉ lệ lỗi sai lên tới nhiều hơn (30,1%).

Xét các ví dụ sau:

- (17) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [từ]_{nguồn} [chợ]_{địa điểm}
b. [Peter]_{hình} [sijang-eseo]_{địa điểm-nguồn} [gayo]_{cách thức}

- (18) a. [Peter]_{hình} [đi]_{cách thức} [từ]_{nguồn} [dưới]_{vị trí} [chợ]_{địa điểm}.
b. [Peter]_{hình} [sijang a-rae-eseo]_{địa điểm.nguồn.vị trí} [gayo]_{cách thức}

Những câu như (17a) trong tiếng Việt chỉ gồm ba thành phần là “*đi*”, *hướng nguồn* và địa điểm. Ở đây, giữa *đi* và địa điểm không có nhiều thành tố trung gian. Trong tiếng Hàn như (17b) thì *nguồn* thể hiện bằng trợ từ *eseo* và đi cùng với địa điểm (*sijang-eseo* - từ chợ) nên về cơ bản không khác nhiều với tiếng Việt. Do vậy, trong dạng kết cấu này, người học ít mắc lỗi hơn các dạng còn lại. Tuy nhiên, đến (18a) do yếu tố *vị trí* được bổ sung sau *nguồn* nên lỗi sai xuất hiện nhiều hơn. Trong tiếng Việt các thành tố *hướng nguồn* và *vị trí* được thể hiện bằng phụ từ đứng độc lập với địa điểm nhưng tiếng Hàn thì thể hiện bằng việc trợ từ *a-rae-eseo* (từ dưới) đi cùng với địa điểm (*sijang a-rae-eseo*) nên gây nhiều khó khăn cho người Hàn khi tri nhận yếu tố tương đương trong tiếng Việt.

3. Kết luận

Tiếp thu kết cấu vận động vốn không phải là một điều dễ dàng và nó sẽ càng gặp nhiều trở ngại nếu ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích thuộc dạng khung ngữ pháp khác nhau. Có thể nhận thấy, nếu giữa hai ngôn ngữ có kết cấu với nhiều điểm tương đồng thì khi tri nhận sẽ ít mắc lỗi hơn. Trường hợp học viên người Hàn tri nhận kết cấu vận động có *hướng* chứa từ “*đi*” trong tiếng Việt cũng như vậy. Lỗi thường xảy ra nhiều hơn ở kết cấu vận động có *hướng* so với kết cấu vận động vô *hướng*. Trong nội bộ những kết cấu vận động có *hướng*, lỗi lại thường xảy ra nhiều hơn ở những kết cấu mà ở đó các yếu tố *hướng* trong tiếng Việt được chia tách thể hiện bằng phụ từ độc lập còn trong tiếng Hàn lại thể hiện qua việc biến đổi hình thái của động từ hoặc sự tích hợp một từ/ trợ từ. Vì thế, học viên người Hàn sẽ gặp trở ngại để ghi nhớ trật tự các thành tố phụ kèm theo yếu tố *hướng* của kết cấu vận động chứa từ “*đi*”. Kết cấu vận động nào càng gồm nhiều thành tố thì lỗi sai càng xuất hiện nhiều hơn. Trong các loại hướng, *hướng đích* là dễ tiếp thu nhất, còn *hướng nguồn* là khó tiếp thu nhất. Do đó, có thể thấy, sự khác biệt về loại hình và cấu trúc ngữ pháp giữa ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu các cấu trúc chuyển động có hướng trong tiếng Việt của sinh viên Hàn Quốc.

*Nghiên cứu này được hoàn thành với sự hỗ trợ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số N.23.01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lâm Quang Đông (2013), *Cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu có kết cấu vị từ chuỗi tiếng Việt và kết cấu tương ứng trong tiếng Anh*. Đề tài cấp ĐHQGHN.
2. Nguyễn, Lai (2001), *Nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt*. Nxb Khoa học Xã hội.

Tiếng Anh

3. Beecher, Henry (2004), *Three varieties of serial verb constructions in Vietnamese*. Ms. University of California San Diego.
4. Brown, Linh-Chan (1999), *The grammaticalization of directed motion in Vietnamese*. PhD, University of Colorado.
5. Choi, S., & Bowerman, M. (1991), *Learning to express motion events in English and Korean: The influence of language-specific lexicalization patterns*. Cognition n° 41(1–3), 83–121.
6. Choi, S. (2006), *Influence of language-specific input on spatial cognition: Categories of containment*. First Language n° 26 (2), 207–232.
7. Choi, S. (2009), *Typological differences in syntactic expressions of Path and Causation*. In V. M. Gathercole (Ed.), *Routes to Language: Studies in Honor of Melissa Bowerman*, 169–194. Mahwah, NJ: Lawrence Erlbaum.
8. Croft, W., Barðdal, J., Hollmann, W., Sotirova, V. & Taoka, C. (2010), *Revising Talmy's typological classification of complex event constructions*, in Hans C. Boas (eds) *Contrastive Studies in Construction Grammar*, Amsterdam: John Benjamins, pp. 201–235.
9. Lewandowski, W. & Mateu, J. (2020), *Motion events again: Delimiting constructional patterns*, *Lingua* 247: 1–25.

10. Ly Ngoc Toan (2020), *Lexicalization patterns of path motion in Vietnamese: a perspective from cognitive linguistics*. Journal of the Southeast Asian Linguistics Society 13.2: 96-113.
DOI: <http://hdl.handle.net/10524/52475>
11. Ly Ngoc Toan (2022), *Expressions of caused motion in Vietnamese: a perspective from cognitive linguistics*. Journal of the Southeast Asian Linguistics Society 15.1 (2022):51-78.
DOI: <http://hdl.handle.net/10524/52490>.
12. Nguyen Phuong Hoang (2019), *The preservation of path verb meanings in prepositional extensions in Vietnamese*. PhD, University of Queensland.
13. Pace, Cassandra (2009), *The typology of motion verbs in Northern Vietnamese*. Rice Working Papers in Linguistics 1.
14. Slobin, D. (1996), *Two ways to travel: Verbs of motion in English and French*, in M. Shibatani & S. A. Thompson (eds) *Grammatical Constructions: Their Form and Meaning*, Oxford: Clarendon Press, pp.195–220.
15. Slobin, D. (2004), *The many ways to search for a frog: Linguistic typology and the expression of motion events*, in S. Strömquist & L. Verhove (eds) *Relating Events in Narrative: Typological and Contextual Perspectives*, New York: Psychology Press, pp.219–257.
16. Slobin, D. (2006), *What makes manner of motion salient? Explorations in linguistic typology, discourse, and cognition*, in M. Hickmann & S. Robert (eds) *Space in Languages: Linguistic Systems and Cognitive Categories*, Amsterdam: John Benjamins, pp.59–81.
17. Talmy, L. (1985), *Lexicalization patterns: Semantics structure in lexical forms*, in T. Shopen (eds) *Language Typology and Syntactic Description: Grammatical Categories and the Lexicon*, Cambridge: Cambridge University Press, pp.36–149.
18. Talmy, L. (2000), *Towards a Cognitive Semantics: Conceptual Structuring Systems*, Cambridge, MA: The MIT Press.
19. Yang Jie (2014), *Revising Talmy's typology of motion events in the light of Chinese*. PhD, University of Edinburgh.

The acquisition of the Path element in the Vietnamese motion constructions headed by the verb *đi* 'to go' among Korean learners

This study aims to investigate the acquisition of the Path element in Vietnamese motion constructions containing the verb *đi* 'to go' among 59 Korean students. The event lexicalization typology proposed by Talmy (1985, 2000) categorizes Vietnamese as a satellite-framed language, while Korean belongs to the verb-framed languages. Results indicate that (i) the acquisition of the Path element presents certain challenges for learners, and non-directed motion constructions are acquired with fewer errors than directed ones; (ii) not all types of Path within motion constructions are equally easy to acquire, and a hierarchy was derived as follows: Source > Path > Goal; (iii) the differences in syntactic typology between the source and target languages significantly affect the acquisition of Vietnamese motion constructions by Korean learners.

Key words: Path; motion constructions; *đi*; 'to go'; Vietnamese for Korean learners; study.